

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Tháng 08 năm 2017

---

<b>MỤC LỤC</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**1. Công ty**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100146571, đăng ký lần đầu ngày 30/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015.

Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

**2. Trụ sở chính**

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**3. Hoạt động chính**

Trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, hoạt động chính của Công ty là: thu gom rác, duy tu sửa chữa các công trình công ích, chăm sóc cây xanh, quản lý vận hành điện công lộ, quản trang, cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước.

**4. Ban lãnh đạo công ty**

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đình Chương	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Sáng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Duyên	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát:

Bà Võ Thị Năm	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Hằng	Thành viên ban kiểm soát

Ban điều hành:

Ông Nguyễn Đình Chương	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Sáng	Phó Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Hữu Duyên	Phó Giám đốc Công ty
Ông Phạm Văn Hải	Phó Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Công Tường	Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/01/2017

**5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 07 đến trang số 25 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế sẽ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sáu tháng đầu năm 2017, lợi nhuận sau thuế được tạm trích theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

**6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Sau ngày 30/06/2017, Công ty thực hiện thoái vốn Nhà nước theo Văn bản số 1684/UBND-KT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thoái vốn Nhà nước của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2017.

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội (VACA) đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

---

## 9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Đình Chương**

**Giám đốc**

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

SỐ: 134/2017/VACA/BCKT-BCTC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum, từ trang 07 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội



**Bùi Ngô Liên - Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1006-2013-110-1*

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

**Nguyễn Minh Ân - Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1313-2013-110-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.195.318.660</b>	<b>18.477.749.415</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3.820.280.694</b>	<b>903.264.094</b>
1. Tiền	111		284.413.301	903.264.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.535.867.393	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>7.000.000.000</b>	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.122.105.614</b>	<b>17.073.506.815</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	5.034.752.173	17.051.171.550
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	87.353.441	22.335.265
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>1.627.769.091</b>	<b>481.809.603</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.627.769.091	481.809.603
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>625.163.261</b>	<b>19.168.903</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	289.501.560	13.918.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	335.661.701	5.249.904
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.035.884.246</b>	<b>8.512.750.724</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.837.507.362</b>	<b>7.118.375.128</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.795.840.690	7.068.375.128
- Nguyên giá	222		16.009.013.325	16.009.013.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.213.172.635)	(8.940.638.197)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	41.666.672	50.000.000
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.333.328)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.198.376.884</b>	<b>1.394.375.596</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.198.376.884	1.394.375.596
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.231.202.906</b>	<b>26.990.500.139</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.199.930.963</b>	<b>11.996.031.355</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.180.760.963</b>	<b>11.975.862.931</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	1.241.074.955	2.453.400.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	539.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.794.356.548	1.276.601.562
4. Phải trả người lao động	314		5.192.291.107	7.339.120.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.231.483.299	30.127.945
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		721.016.054	876.613.424
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.170.000</b>	<b>20.168.424</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	19.170.000	20.168.424
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.031.271.943</b>	<b>14.994.468.784</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>15.031.271.943</b>	<b>14.994.468.784</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.103.300.000	12.103.300.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.927.971.943	1.927.746.104
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	963.422.680
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.231.202.906</b>	<b>26.990.500.139</b>

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*1. Huuk*

*[Signature]*



*Leách Đình Hưng*

Nguyễn Công Tường

Nguyễn Đình Chương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	31.419.534.847	69.174.269.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>31.419.534.847</b>	<b>69.174.269.093</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	25.606.249.984	56.782.358.421
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.813.284.863</b>	<b>12.391.910.672</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	118.940.254	95.778.824
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	3.605.707.055	7.682.020.802
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.326.518.062</b>	<b>4.805.668.694</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.05	255.158.767	71.384.546
12. Chi phí khác	32	VI.06	15.450.786	52.528.384
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>239.707.981</b>	<b>18.856.162</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.566.226.043</b>	<b>4.824.524.856</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	520.085.366	969.032.648
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.046.140.677</b>	<b>3.855.492.208</b>

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*L. Huok*

*[Signature]*



*Luach Vinh Hung*

Nguyễn Công Tường

Nguyễn Đình Chương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	45.470.456.600	65.749.915.290
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.921.547.601)	(22.576.893.982)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.039.499.556)	(25.953.823.691)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(75.671.717)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.269.032.648)	(429.451.227)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.419.817	50.200.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.445.886.634)	(15.201.797.344)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.826.909.978</b>	<b>1.562.477.329</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.351.513.181)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.185.592	95.778.824
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.962.814.408)</b>	<b>(1.255.734.357)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(947.078.970)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(947.078.970)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.917.016.600</b>	<b>306.742.972</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	903.264.094	596.521.122
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.820.280.694</b>	<b>903.264.094</b>

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





*Luach Dinh Hung*

Nguyễn Công Tường

Nguyễn Đình Chương

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100146571, đăng ký lần đầu ngày 30/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015.

Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

Trụ sở chính Công ty tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là: 12.103.300.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).  
Tổng số cổ phần: 1.210.330 cổ phần, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ về môi trường.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum bao gồm:

- *Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Thoát nước và xử lý nước thải;*
- *Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Giao thông); Xây dựng công trình công ích (Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa: đường, vỉa hè, điện công lộ, điện trang trí công viên, hoa viên, công trình cấp thoát nước đô thị); Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt các hệ thống điện, cấp thoát nước;*
- *Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cung ứng lao động tạm thời;*
- *Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.*

Trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2017, hoạt động chính của Công ty là: thu gom rác, duy tu sửa chữa các công trình công ích, chăm sóc cây xanh, quản lý vận hành điện công lộ, quản trang, cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty dưới 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không có các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và không có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán. Tuy nhiên do khác nhau về độ dài của kỳ lập báo cáo tài chính nên các thông tin này không bảo đảm tính so sánh.

**I. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để phục vụ cho mục đích thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

**II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua (T+0) và được xác định giá trị theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của BTC.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo từng đối tượng.

Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) cũng được phân loại tương ứng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

*Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tính theo giá gốc. Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Phần mềm kế toán ASIA ENTERPRISE	3

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí SXKD theo phương pháp đường thẳng, trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế thương mại, lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, được phân bổ dần vào chi phí SXKD theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm sau khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là giá trị hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các chi phí trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Các khoản chi phí phải trả được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế (nếu có) được hoàn nhập.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp, thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận là số chênh lệch giữa tiền thu về bán cổ phần và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Bộ Tài chính, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

Khi phân phối lợi nhuận Công ty loại trừ các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành giao hàng theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đã hoàn thành cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp chắc chắn thu được.

Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

**11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng; Khi một khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận, nhưng chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để ghi nhận giá vốn, kế toán căn cứ vào tính toán ban đầu, dự toán được phê duyệt để trích trước chi phí vào giá vốn trong kỳ.

Ghi nhận giá vốn bảo đảm nguyên tắc thận trọng, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, sau khi trừ đi các khoản bồi thường, (nếu có) kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

**12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, Chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	148.410.817	249.064.476
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	136.002.484	654.199.618
Các khoản tương đương tiền	3.535.867.393	-
- Tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống	3.535.867.393	-
<b>Tổng</b>	<b><u>3.820.280.694</u></b>	<b><u>903.264.094</u></b>

**V.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Ngắn hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (HDBank)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-

**V.3. Phải thu của khách hàng**

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	5.034.752.173	-	17.051.171.550	-
Phòng Tài chính Kế hoạch Thành phố Kon Tum	2.559.788.000	-	2.559.788.000	-
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Kon Tum	2.194.890.173	-	14.167.703.550	-
Hà Trạm Minh	4.159.000	-	5.165.000	-
Nguyễn Đình Hoan	15.500.000	-	29.000.000	-
Văn phòng Tỉnh ủy Kon tum	-	-	30.000.000	-
Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Kon Tum	259.515.000	-	259.515.000	-
Phải thu các đối tượng khác	900.000	-	-	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**V.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	87.353.441	-	22.335.265	-
Phải thu khác:	87.353.441	-	22.335.265	-
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Thiên Danh An	-	-	22.335.265	-
Tạm tính lãi Tiền gửi	81.754.662	-	-	-
DNTN Quảng cáo trang trí nội thất Lê Nguyễn	5.598.779	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>87.353.441</b>	<b>-</b>	<b>22.335.265</b>	<b>-</b>

**V.5. Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	635.512.525	-	456.871.784	-
Công cụ, dụng cụ	33.970.904	-	24.937.819	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	958.285.662	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.627.769.091</b>	<b>-</b>	<b>481.809.603</b>	<b>-</b>

**V.6. Chi Phí trả trước**

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	289.501.560	13.918.999
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	289.501.560	13.918.999
b) Dài hạn	1.198.376.884	1.394.375.596
Lợi thế thương mại	521.930.538	695.907.385
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	676.446.346	698.468.211
<b>Tổng</b>	<b>1.487.878.444</b>	<b>1.408.294.595</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****V.7. Tài sản cố định hữu hình**

(Đơn vị tính: VND)

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
<b><u>Nguyên giá</u></b>					
Tại ngày 01/01	2.939.500.144	280.000.000	12.724.513.181	65.000.000	16.009.013.325
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>2.939.500.144</b>	<b>280.000.000</b>	<b>12.724.513.181</b>	<b>65.000.000</b>	<b>16.009.013.325</b>
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>					
Tại ngày 01/01	2.077.947.732	248.500.000	6.549.190.465	65.000.000	8.940.638.197
Khấu hao trong kỳ	216.637.518	21.000.000	1.034.896.920	-	1.272.534.438
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>2.294.585.250</b>	<b>269.500.000</b>	<b>7.584.087.385</b>	<b>65.000.000</b>	<b>10.213.172.635</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>					
Tại ngày 01/01	861.552.412	31.500.000	6.175.322.716	-	7.068.375.128
Tại ngày 30/06	644.914.894	10.500.000	5.140.425.796	-	5.795.840.690

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**V.8. Tài sản cố định vô hình**

(Đơn vị tính: VNĐ)

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Phần mềm kế toán	Tổng
<b><u>Nguyên giá</u></b>		
Tại ngày 01/01	50.000.000	50.000.000
Mua trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>		
Tại ngày 01/01	-	-
Khấu hao trong kỳ	8.333.328	8.333.328
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>8.333.328</b>	<b>8.333.328</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>		
Tại ngày 01/01	50.000.000	50.000.000
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>41.666.672</b>	<b>41.666.672</b>

**V.9. Phải trả người bán**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.241.074.955	1.241.074.955	2.453.400.000	2.453.400.000
Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Tường Tâm	119.043.500	119.043.500	200.000.000	200.000.000
Tổng Công ty cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV	-	-	2.233.000.000	2.233.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hiếu Kon Tum	-	-	20.400.000	20.400.000
Công ty Điện lực Kon Tum	647.887.988	647.887.988	-	-
Cửa hàng điện máy tổng hợp Việt Đức	140.000.000	140.000.000	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tường	133.398.947	133.398.947	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	200.744.520	200.744.520	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.241.074.955</b>	<b>1.241.074.955</b>	<b>2.453.400.000</b>	<b>2.453.400.000</b>

**V.10. Người mua trả tiền trước**

Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	01/01/2017
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	539.000	-
Các đối tượng khác	539.000	-
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>539.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**V.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	634.918.596	1.883.914.374	747.997.615	1.770.835.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	619.032.648	565.774.366	1.184.807.014	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.160.224	3.160.224	-
Thuế BVMT và các thuế khác	22.650.318	138.344.436	137.473.561	23.521.193
<b>Tổng</b>	<b>1.276.601.562</b>	<b>2.591.193.400</b>	<b>2.073.438.414</b>	<b>1.794.356.548</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	84.225.634	84.225.634
Thuế thu nhập cá nhân	5.249.904	110.483.096	106.124.020	890.828
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	(250.545.239)	-	250.545.239
<b>Tổng</b>	<b>5.249.904</b>	<b>(140.062.143)</b>	<b>190.349.654</b>	<b>335.661.701</b>

**V.12. Phải trả khác**

	30/06/2017	01/01/2017
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	203.265.819	-
Bảo hiểm xã hội	421.844.217	-
Bảo hiểm y tế	73.089.251	-
Bảo hiểm thất nghiệp	33.106.371	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	500.177.641	30.127.945
<b>Tổng</b>	<b>1.231.483.299</b>	<b>30.127.945</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.170.000	20.168.424
<b>Tổng</b>	<b>19.170.000</b>	<b>20.168.424</b>

**V.13. Vốn chủ sở hữu****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/01/2017
Vốn Nhà nước	7.875.810.000	7.875.810.000
Vốn tư nhân	4.106.460.000	4.106.460.000
Vốn khác	121.030.000	121.030.000
<b>Tổng</b>	<b>12.103.300.000</b>	<b>12.103.300.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**b) Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2017	12.103.300.000	1.927.746.104	963.422.680	14.994.468.784
Lãi trong kỳ này	-	-	2.046.140.677	2.046.140.677
Tặng khác (phân phối lợi nhuận)	-	1.000.225.839	-	1.000.225.839
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác (điều chỉnh thuế TNDN theo BBKT của Kiểm toán Nhà nước)	-	-	(45.689.000)	(45.689.000)
Giảm do phân phối lợi nhuận năm trước (Phân phối cổ tức năm trước)	-	-	(963.422.680)	(963.422.680)
Giảm do tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	(2.000.451.677)	(2.000.451.677)
Tại ngày 30/06/2017	12.103.300.000	2.927.971.943	-	15.031.271.943

**(\*) Thuyết minh tạm phân phối lợi nhuận kỳ này**

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này:</b>	
1	Quỹ Đầu tư phát triển (50% * LNST)	1.000.225.839
2	Quỹ khen thưởng (16% * LNST)	320.072.268
3	Quỹ phúc lợi (6% * LNST)	120.027.101
4	Quỹ thưởng Ban quản lý Công ty (3% * LNST)	60.013.550
5	Phân phối cổ tức (25% * LNST)	500.112.919
	<b>Lợi nhuận sau thuế kỳ này đã phân phối</b>	<b>2.000.451.677</b>

Lợi nhuận sau thuế kỳ này được phân phối theo phương án nêu tại Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 số 04/KH – CTY ngày 07 tháng 02 năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Báo cáo “Kết quả biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum thường niên năm 2017 về những vấn đề đã xin ý kiến Chủ sở hữu” số 08/BC – NĐDPVNN ngày 04 tháng 05 năm 2017.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.103.300.000	12.103.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.103.300.000	12.103.300.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**V.12. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán****a) Tài sản nhận giữ hộ**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Nhà thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Công ty quản lý - Nguyên giá	20.980.792.314	21.524.646.803

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

STT	Tên khách hàng phải thu	Địa chỉ khách hàng	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Trần Văn Trung (Sơn)	Phòng P6A1 - Chung cư Lê Đình Chính	3.600.000	Xử lý năm 2012
2	Lê Phan Nhạn	Phòng P11A2 - Chung cư Lê Đình Chính	3.200.000	Xử lý năm 2012
3	Phạm Anh Đào	Phòng P5A1 - Chung cư Lê Đình Chính	3.600.000	Xử lý năm 2012
4	Nguyễn Đăng Thú	Phòng P8A1 - Chung cư Lê Đình Chính	2.720.000	Xử lý năm 2012
5	Phan Ngọc Tuấn	Phòng P2A1 - Chung cư Lê Đình Chính	3.000.000	Xử lý năm 2012
6	Nguyễn Đức Trung	Phòng P8A2 - Chung cư Lê Đình Chính	2.600.000	Xử lý năm 2012
7	Trần Ngọc Khoa	Phòng P5A1 - Chung cư Lê Đình Chính	19.626.000	Xử lý năm 2012
8	Lê Thị Mót	Phòng P13A2 - Chung cư Lê Đình Chính	4.926.000	Xử lý năm 2012
9	UBND Phường Quyết Thắng	Phòng P6A1 - Chung cư Lê Đình Chính	97.700.000	Xử lý năm 2014
<b>Tổng cộng</b>			<b>140.972.000</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.419.534.847	69.174.269.093
<b>Tổng</b>	<b>31.419.534.847</b>	<b>69.174.269.093</b>

**VI.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	25.606.249.984	56.782.358.421
<b>Tổng</b>	<b>25.606.249.984</b>	<b>56.782.358.421</b>

**VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118.940.254	95.778.824
<b>Tổng</b>	<b>118.940.254</b>	<b>95.778.824</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**VI.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên	2.335.656.973	4.730.610.741
Chi phí vật liệu quản lý	39.853.606	82.421.182
Chi phí công cụ dụng cụ	155.993.989	369.712.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.817.004	610.029.857
Thuế phí, lệ phí	42.265.010	266.771.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.993.640	249.015.078
Chi phí bằng tiền khác	566.126.833	1.373.459.719
<b>Tổng</b>	<b>3.605.707.055</b>	<b>7.682.020.802</b>

**VI.5. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán tài sản (CCDC, vật tư hỏng)	-	17.748.182
Tiền bồi thường tai nạn dân sự xe 82C-03411	-	50.000.000
Tiền thuế đất được giảm theo Thông báo số 1126 Quyết định số 424 của Cục thuế tỉnh Kon Tum	254.160.343	-
Các khoản khác	998.424	3.636.364
<b>Tổng</b>	<b>255.158.767</b>	<b>71.384.546</b>

**VI.6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
Chi tiền bồi thường tai nạn dân sự xe 82C-03411	-	50.000.000
Tiền truy thu, phạt chậm nộp thuế, BHXH	14.373.786	88.384
Các khoản khác	1.077.000	2.440.000
<b>Tổng</b>	<b>15.450.786</b>	<b>52.528.384</b>

**VI.7. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>2.566.226.043</b>	<b>4.824.524.856</b>
Điều chỉnh Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.200.786	20.638.384
- Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	34.200.786	20.638.384
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.600.426.829</b>	<b>4.845.163.240</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>2.600.426.829</b>	<b>4.845.163.240</b>
Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	-	-
<b>TNTT sau khi đã trích lập quỹ KHCN</b>	<b>2.600.426.829</b>	<b>4.845.163.240</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>520.085.366</b>	<b>969.032.648</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẤU B 09 - DN

**VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.578.048.625	16.842.238.234
Chi phí nhân công	16.665.184.930	47.102.113.169
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	750.567.766	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.280.867.766	1.916.391.600
Thuế phí, lệ phí	42.265.010	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	551.664.845	627.254.233
Chi phí khác bằng tiền	3.301.643.759	11.319.194.810
<b>Tổng</b>	<b>30.170.242.701</b>	<b>77.807.192.046</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Sau ngày 30/06/2017, Công ty thực hiện thoái vốn Nhà nước theo Văn bản số 1684/UBND-KT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thoái vốn Nhà nước của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2017.

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An - Chi nhánh Hà Nội. Tuy nhiên do khác nhau về độ dài của kỳ lập báo cáo tài chính nên các thông tin này không bảo đảm tính so sánh.

**3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

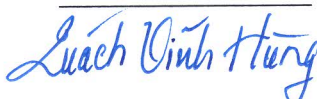
Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Công Tường

Nguyễn Đình Chương